

Bản án số: **28** /2018/HS-ST
Ngày 19 tháng 6 năm 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LÂM THAO, TỈNH PHÚ THỌ**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Phương Thúy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Trần Đức Hùng

Bà Đặng Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hiền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Tuyết Lan - Kiểm sát viên

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 31/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Phan Văn N, sinh ngày 12 tháng 10 năm 1986 tại huyện Lâm Thao, tỉnh Phú Thọ. Nơi cư trú: Khu 3, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 06/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Văn H và bà Nguyễn Thị D; vợ: Lê Thị H và có 02 con sinh năm 2010 và năm 2012; tiền án: 01 Bản án HSST số 185 ngày 30/9/2013 của TAND thành phố Việt Trì xử phạt bị cáo 33 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, ra trại ngày 30/9/2015, tiền sự: không; bị bắt, tạm giam ngày 25/4/2018; có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Triệu Thị S - sinh năm 1972

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

2. Cháu Phan Thị H - sinh năm 1997

Địa chỉ: Khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ.

(có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 30 tháng 6 năm 2016 Phan Văn N, sinh năm 1986 ở khu 3, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ đến chơi nhà bác ruột của mình là ông bà QT ở khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ. Sau đó N có sang chơi nhà chị Triệu Thị S ở khu 7, xã T, huyện L (nhà chị S ở giáp nhà ông bà QT). Lúc này chỉ có anh Nh là chồng chị S đang bị bệnh ở nhà một mình. Hai người đang ngồi chơi ở phòng khách thì thấy có tiếng động ở phòng ngủ nên anh Nh có nhờ N vào xem. N nhìn thấy tấm đệm cùng một số quần áo bị rơi dưới nền nhà. Thấy vậy, N nhấc đệm để lên nóc tủ và nhét quần áo vào trong ngăn tủ. Trong khi nhét quần áo vào Phan Văn N phát hiện có một số tiền để trong khoảng giữa đồng quần áo, thấy không có ai nên N đã lấy số tiền đó nhét vào túi quần trước của mình rồi đóng cánh tủ lại đi ra phòng khách. Tại đây, N nhìn thấy trên nóc tủ kê dưới bàn thờ ở gian phòng khách của gia đình chị S có để 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy màu trắng của cháu Phan Thị H là con gái chị S, lợi dụng lúc anh Nh chồng chị S không để ý, N đã cầm chiếc điện thoại này đút vào túi quần của mình rồi chào anh Nh ra về.

Sau khi trộm cắp tài sản của gia đình chị S, Phan Văn N bắt xe khách lên Tuyên Quang. Trên đường đi, N đếm số tiền trộm cắp được 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng).

Chiều tối cùng ngày 30 tháng 6 năm 2016, chị Triệu Thị S có đơn trình báo đến Công an huyện Lâm Thao.

Tại Kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 38/KL-ĐGTSTT ngày 15 tháng 7 năm 2016 kết luận: 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy ACE màu trắng màn hình cảm ứng, bên trong cài 01 sim thuê bao số 01689.007.467 trị giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

Sau khi trộm cắp tài sản, N bỏ trốn khỏi địa phương. Đến ngày 04/01/2018 Phòng PC52 Công an tỉnh Tuyên Quang đã phát hiện và triệu tập được Phan Văn N và bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Lâm Thao.

Quá trình điều tra, Phan Văn N khai nhận hành vi phạm tội của mình, số tiền trộm cắp được N tiêu xài cá nhân hết, sau đó N quay về Hà Nội bán chiếc điện thoại trộm cắp được ở một cửa hàng mua bán điện thoại nhưng N không nhớ tên và địa chỉ cụ thể được 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng), số tiền này N cũng tiêu xài cá nhân hết; chiếc sim điện thoại N tháo ra và vứt ở đâu không rõ nên không thu hồi được.

Tại bản Cáo trạng số 15/CT-VKSLT ngày 22 tháng 3 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao truy tố bị cáo Phan Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa ngày 11 tháng 4 năm 2018, chị Triệu Thị S thay đổi lời khai của mình so với lời khai trước đó tại Cơ quan điều tra, chị trình bày chị đã tìm thấy số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) bị mất do trước đó không tìm kỹ, tiền rơi ở đáy tủ mà không biết. Đồng thời Phan Văn N cũng thay đổi lời khai, bị cáo cho rằng chỉ trộm cắp chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy ACE mà không trộm cắp số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) của gia đình chị S. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã trả hồ sơ để điều tra bổ sung.

Sau khi có bản Kết luận điều tra bổ sung số 01 ngày 19/5/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao có quan điểm giữ nguyên bản Cáo trạng số 15 ngày 22 tháng 3 năm 2018. Tại phiên tòa, Kiểm sát viên thực hành quyền công tố vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo Phan Văn N từ 12 đến 15 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2018. Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo. Đối với vấn đề trách nhiệm dân sự do bị hại không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết và buộc bị cáo Phan Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Văn N đã khai nhận: bị cáo đã nhận thấy rõ việc trước đây bị cáo che giấu hành vi phạm tội của mình, khai báo không đúng sự thật là do bị cáo nghĩ rằng mình khai như vậy sẽ được giảm nhẹ tội và không phải đi tù

do bị cáo đã có một tiền án. Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo tự nguyện khai báo toàn bộ sự việc trộm cắp tiền và tài sản của chị S để mong muốn nhận được sự khoan hồng của pháp luật.

Tại phiên tòa, bị hại là chị Triệu Thị S trình bày: ngày 30/6/2016 khi đi làm về, chị biết đã có kẻ gian đột nhập và lục lọi trong nhà. Kiểm tra thấy bị mất tiền để ở trong tủ gỗ kê ở buồng ngủ và chiếc điện thoại của con gái để ở phòng khách nên chị đã cùng con trai đến Công an xã trình báo sự việc. Ngày 11/4/2018 tại phiên tòa chị S trình bày là đã tìm thấy số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) do tiền vẫn rơi ở đáy tủ nhưng trước đây chị tìm không kỹ nên không tìm thấy. Tại phiên tòa hôm nay, chị S giải thích trước đây chị nghĩ do số tiền mình bị mất không lớn, mặt khác giữa gia đình nhà chồng chị S với gia đình bị cáo N có quan hệ họ hàng gần gũi với nhau (bố chồng chị S là anh trai ruột bố bị cáo N) chị đã rút đơn đề nghị không khởi tố với bị cáo N nhưng không được nên chị S đã thay đổi lời khai nhằm giảm nhẹ tội cho bị cáo để tránh phải mang tiếng với gia đình nhà chồng. Hiện nay, chị xác nhận lại toàn bộ sự thật của vụ án, việc chị bị mất tiền như đã khai báo trước đây là hoàn toàn có thật. Chị S không đề nghị bị cáo phải bồi thường cho chị số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị hại là cháu Phan Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt, nội dung đơn thể hiện: ngày 30/6/2016 cháu bị mất 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy ACE màu trắng có lắp sim số 01689.007.467. Tại Kết luận định giá đã kết luận chiếc điện thoại trị giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) cháu H nhất trí, không có ý kiến gì. Cháu H không đề nghị bị cáo N phải bồi thường chiếc điện thoại Samsung Galaxy ACE và chiếc sim, đồng thời bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tính hợp pháp của các hành vi, quyết định Tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và bị hại đều nhất trí và không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng,

người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử chứng minh được hành vi phạm tội của bị cáo Phan Văn N như sau: khoảng 15 giờ 30 phút ngày 30/6/2016 tại nhà ở của gia đình chị Triệu Thị S ở khu 7, xã T, huyện L, tỉnh Phú Thọ, Phan Văn N đã có hành vi trộm cắp của chị Triệu Thị S số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) và trộm cắp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Samsung Galaxy ACE màu trắng lắp sim số 01689.007.467 trị giá 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) của cháu Phan Thị H (là con gái chị Triệu Thị S).

Lời khai của bị cáo tại phiên tòa hôm nay phù hợp với lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án do đó có đủ cơ sở để khẳng định bị cáo Phan Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lâm Thao truy tố bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 là đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 thì hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra trước 00 giờ 0 phút ngày 01/01/2018 (ngày Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực thi hành) nhưng sau ngày này mới bị truy tố, xét xử. Đối chiếu quy định của Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999 với Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) Hội đồng xét xử nhận thấy quy định tại Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 có mức hình phạt nhẹ hơn so với Điều 138 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009). Vì vậy cần áp dụng quy định có lợi cho người phạm tội theo hướng dẫn của Nghị quyết khi xét xử đối với bị cáo. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử bị cáo Phan Văn N về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[4] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội: tội phạm thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Hành vi của bị cáo không những xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an xã hội, gây bức xúc trong dư luận quần chúng nhân dân. Bị cáo Phan Văn N có hành vi trộm cắp tài sản từ tháng 6 năm 2016 tuy nhiên sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn gây khó khăn cho cơ quan điều tra và phải đến tháng

1 năm 2018 bị cáo bị phát hiện khi đang ở Tuyên Quang thì hành vi phạm tội của bị cáo mới bị điều tra, truy tố và xét xử. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo để giáo dục và cải tạo bị cáo trở thành người công dân có ý thức chấp hành pháp luật tốt đồng thời phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: nhân thân bị cáo đã có 01 tiền án vì vậy lần phạm tội này bị cáo phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Bị cáo được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 do bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: bị cáo không có tài sản riêng nên miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo là phù hợp.

[6] Về trách nhiệm dân sự :

Tại phiên tòa bị hại là chị Triệu Thị S không đề nghị bị cáo phải bồi thường số tiền 2.500.000 đồng (Hai triệu năm trăm nghìn đồng) nên cần xác nhận.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt bị hại là cháu Phan Thị H không đề nghị bị cáo phải bồi thường chiếc điện thoại Samsung Galaxy ACE và sim kèm theo nên cần xác nhận.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Cần buộc bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 7 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13; khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017); Điều 21, 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[1] Tuyên bố bị cáo Phan Văn N phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

[2] Xử phạt bị cáo Phan Văn N 12 (Mười hai) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 25/4/2018.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự: Xác nhận bị hại không đề nghị bị cáo bồi thường nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về án phí: Buộc bị cáo Phan Văn N phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[5] Kháng cáo: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- VKSND huyện Lâm Thao; VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Chi cục THADS huyện Lâm Thao;
- CQ CSĐT Công an huyện Lâm Thao;
- CQ THA hình sự huyện Lâm Thao;
- UBND xã T, huyện L;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đinh Thị Phương Thúy